

Bản án số: **15/2024/HNGĐST**
Ngày 05-4-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Động**
2. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh**.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Võ Thành S** - sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Đá Nổi B, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn:** Chị **Lê Thị Kim Ph** - sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Đá Nổi B, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Thanh S trình bày:**

Anh và chị Lê Thị Kim Ph được gia đình hai bên mai mối đi đến tổ chức cưới vào năm 1993, được UBND xã Th Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/1993. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph mê đánh số đề, thiếu nợ nhiều người, vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình và các con anh S đã tha thứ và đã trả nợ cho chị Ph, anh có khuyên ngăn nhưng chị Ph vẫn không bỏ, đến ngày 08/12/2017 chị Ph bỏ nhà đi cùng với các con và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 3 con chung hiện đã trưởng thành:

1. Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 09/8/1994.
2. Võ Thành Tr - sinh ngày 04/12/1995.
3. Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 05/01/1998.

Về tài sản chung và nợ chung: anh S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Sơn yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: anh S yêu cầu được ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Kim Ph được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên về thời hạn xét xử thì Thẩm phán đã vi phạm cần rút kinh nghiệm.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thanh S.

+ *Về quan hệ con chung*: Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 09/8/1994, Võ Thành Tr - sinh ngày 04/12/1995, Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 05/01/1998. Hiện 03 người con đã trưởng thành anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

+ *Về tài sản chung*: anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về nợ chung*: anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét

+ *Về án phí*: anh Võ Thanh S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh S được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn chị Lê Thị Kim Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Ph vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh S yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kim Ph.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thanh S, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy anh S và chị Ph chung sống với nhau được UBND xã Th Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/1993 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph mê đánh đề dẫn đến thiếu nợ nhiều người anh S đã nhiều lần khuyên chị Ph nhưng chị Ph không bỏ đến tháng 12/2017 thì chị Ph và các con bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân cho đến nay

Tại phiên tòa, anh S vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy: anh S, chị Ph chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau

nhưng không thành, mặt khác chị Ph đã được Tòa án tổng đạt các giấy triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng chị Ph vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy vợ chồng anh S, chị Ph đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; ngoài ra, anh S và chị Ph đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh S yêu cầu được ly hôn với chị Ph là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung*: Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 09/8/1994, Võ Thành Tr - sinh ngày 04/12/1995, Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 05/01/1998. Hiện 03 người con đã trưởng thành anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: anh S xác nhận không có, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Võ Thanh Sơn.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: anh Võ Thanh S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Võ Thành S.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Võ Thành S được ly hôn với chị Lê Thị Kim Ph.

2. Về quan hệ con chung: Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 09/8/1994, Võ Thành Tr - sinh ngày 04/12/1995, Võ Thị Thuỳ Tr - sinh ngày 05/01/1998 đã đến tuổi trưởng thành, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Võ Thành S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003602, ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Lê Thị Kim Ph có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Th Đ B;
- UBND xã Th Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo